CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐIỀU ĐỘNG TÀU

Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa lập Kế hoạch điều động tàu vào, rời cảng
Từ 16 giờ 00 ngày 06 tháng 11 năm 2026 đến 16 giờ 00 ngày 07 tháng 11 năm 2026
tại khu vực Cảng biển Thanh Hoá như sau:

Thời gian	Tên tàu	Mớn nước (m)	LOA (m)	DWT	Tàu lai	Tuyến Luồng	Từ	Đến	Đại lý
A. KHU VỰC NGHI SƠN									
I. TÀU VÀO CẢNG									
1. Bến cảng TH PTSC Thanh Hóa		Cầu 01: L=165m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 02: L=220m đối với tàu DWT=70.000 giảm tải; Cầu 02: L=225m đối với tàu DWT=5.000 giảm tải.							
18:20	Trường Tâm 68	4,2	76,73	3.600	Nil	TH PTSC	Câu 6	Cầu 2	Nil
19:20	Việt Thuận 10-02	5.20	103.80	10.166	NB01	TH PTSC	P/s	Cầu 1	Nil
06:20	Hải Dương 68	5,2	121,10	10.977	NB01+TĐ 01	TH PTSC	P/s	Cầu 2	Nil
07:00	Hoa Mai 88	9,5	113,00	12.704	NB01	TH PTSC	P/s	Cầu 2	Nil
2. Bến cảng TH Đại Dương		Cầu 03: L= 225m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L= 225m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 05: L=210m; DWT= 60.000 giảm tải.							
17:00	MINH KHÁNH 36	4,0	79,80	4.451	Nil	TH ĐD	P0	Cầu 4	Nil
18:00	THUẬN TRUNG 05	4,6	79,80	3.387	Nil	TH ĐD	P0	Cầu 4	Cập mạn tàu MINH KHÁNH 36
06:40	FIORE	6,0	190,00	55.848	DD08. TĐ01	TH ĐD	P/s	Cầu 5	Nil

07:20	NGÂN SƠN 39	2,0	75,00	2.700	Nil	TH ĐD	P0	Cầu 3	Cập mạn tàu H SEALION
10:20	BẢO LONG 05	2,5	79,80	3.718	Nil	TH ĐD	P0	Cầu 4	Nil
12:20	PHƯƠNG NAM 288	4,8	79,90	4.982	Nil	TH ĐD	P0	Cầu 4	Nil
3. Bến cảng TH Gama		L=210m; DWT = Trên 45.000 – 70.000 giảm tải; T≤ 10.6m.							
19:40	HA PHUONG 05	4.1	79,90	4738	Nil	TH G.MA	P0	Cầu 6	Nil
09:00	THANH BINH 05	4.1	78,50	3221	Nil	TH G.MA	P0	Cầu 6	Nil
4. Bến cảng TH Long Sơn		Cầu 7: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤ 13.8m; Cầu 08: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤13.7m; Cầu 09: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải., Cầu 10: L166m; DWT= 20.000							
16:40	Minh Tú 29	2,6	79,96	4.804,39	Nil	TH LS	P0	Cầu 8	Nil
19:00	Quang Hải 66	2,6	79,80	3.155,00	Nil	TH LS	P0	Cầu 8	Nil
02:00	Vũ Đình 135	3,5	102,80	6.997	LS 135	TH LS	P0	Cầu 8	Nil
5. Bến cảng TH Quang Trung		Cầu 11: LTK= 250m; LSD= 205m; DWT= 5.000. T=5.5m							
17:40	Hùng Khánh 89	4,7	76,21	2928	Nil	TH QTr	P0	Cầu 11	Nil
06:00	Mặt trời việt 26	2.2	79,68	2618	Nil	TH QTr	P0	Cầu 11	Nil
09:20	Chí thành 68	4,03	76,20	2663	Nil	TH QTr	P0	Cầu 11	Nil
6. Bến cảng TH Quốc Tế Nghi Sơn		Cầu 01: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 02: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 2A: L=147m; DWT=20.000; Cầu 03: L= 300m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L=300m; DWT=70.000 giảm tải; Cầu 05: LTK=250m; LSD=140m; DWT= 15.000.							

00:00	PELITA ALMEIRA PERTIWI	5,0	199,00	55.820	VAS 3006 VAS 3008	TH QT	P0	Cầu số 02	HD MARINER
12:00	XING ZHONG HAI	6,0	115,90	10.209	VAS 3006 VAS 3008	TH QT	P0	Cầu số 05	KPB
7. Bến cảng Nhiệt điện NS1		Cầu cảng nhập than: L=130m; DWT=5.000; Cầu cảng nhập HFO: L=124m; DWT=3.000							
08:40	Tấn Phúc 01	5.2	79.8	3447.6	Nil	CD NĐ1	P0	NĐ1	Nil
8. Bến cảng Nhiệt điện NS2		L= 226m; DWT= 18.000; mặt sàn công nghệ L= 22m							
	N/A				HVS48. TV2	CD NĐ2	Khu CT	NĐ2	Nil
9. Bến cảng CD XM Nghi Sơn		Cầu 01: L= 187m; DWT =37.000; Cầu 02: L=87; DWT= 5.300							
23:00	Confidence	8,0	143,00	15.000	NS01;NS02	CDXM	P/s	Cầu 1	Nil
12:30	Quang Trung 79	3,0	76,00	2.500	Nil	CDXM	P0	Cầu 2	Nil
10. Bến cảng CD XD Anh Phát		Cầu 01: L= 350m; DWT= 5.000; Cầu 02: L= 215m; DWT= 7.000							
	N/A				Nil	CD AP	P0	AP1	Nil
11. Bến cảng Lọc Hóa dầu NS		Cầu 1A: L= 166m; DWT= 15.000; Cầu 01B: L=192m; DWT= 10.000; Cầu 2A, 2B: L=170m; DWT= 12.825; Cầu 4A, 4B: L= 222m; DWT= 50.000 giảm tải.							
16:00	JADE STAR 15	3,8	91,94	4.997,70	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 2A	VITACO Nghi Sơn
21:00	PETROLIMEX 14	5,0	128,60	13.131,20	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 4B	VITACO Nghi Sơn
22:00	TAY NAM 01	4,8	119,98	7.999,00	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 4A	Hưng Thịnh Phát

08:00	NHA BE 06	4,5	107,48	6.788,00	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 2B	VITACO Nghi Son
10:00	GOLD STAR 19	5,4	117,54	9.130,00	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 2A	PHUONG NAM MB1
13:00	TAY NAM 01	4,5	119,98	7.999,00	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 4A	HUNG THINH PHAT
15:00	AN PHU 16	4,6	97,28	5.645,30	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 4B	NGHI SON agency
II. TÀU RỜI CẢNG									
1. Bến cảng TH PTSC Thanh Hóa		Cầu 01: L=165m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 02: L=220m đối với tàu DWT=70.000 giảm tải; Cầu 02: L=225m đối với tàu DWT=5.000 giảm tải.							
03:00	Trường Tâm 68	4,2	76,73	36.300	Nil	TH PTSC	Cầu 2	P0	Nil
05:00	Huy Hoàng 222	5.40	96.50	5.582	NB01	TH PTSC	Cầu 1	P/s	Nil
2. Bến cảng TH Đại Dương		Cầu 03: L= 225m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L= 225m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 05: L=210m; DWT= 60.000 giảm tải.							
16:00	PHẠM ĐÌNH 28	4.6	75,68	2.508	Nil	TH ĐD	Cầu 4	P0	Nil
16:20	HOÀNG GIA 16	2.0	76,00	2.409	Nil	TH ĐD	Cầu 4	P0	Nil
03:20	MV FUAT SEZGIN	10.1	179,97	38.278	ĐD 06 ĐD 08	TH ĐD	Cầu 5	P/s	Nil
05:20	HẢI NAM 68	4.8	79,99	4.548	Nil	TH ĐD	Cầu 3	P0	Nil
07:40	TRƯỜNG XUÂN 68	4.5	78,63	3.236	Nil	TH ĐD	Cầu 4	P0	Nil
08:00	TTP 79	2.5	79,80	4.594	Nil	TH ĐD	Cầu 4	P0	Nil

11:00	THUẬN TRUNG 05	4.6	79,80	3.387	Nil	TH ĐD	Cầu 4	P0	Nil
3. Bến cảng TH Gama		L=210m; DWT = Trên 45.000 – 70.000 giảm tải; T≤ 10.6m.							
18:20	Trường Tâm 68	4,2	76,73	3.600	Nil	TH G.MA	Cầu 6	Cầu 2	Nil
08:20	HAI DANG 666	5,75	78,90	4.145	Nil	TH G.MA	Cầu 6	P0	Nil
10:00	HA PHUONG 05	5,53	79,90	4.738	Nil	TH G.MA	Cầu 6	P0	Nil
4. Bến cảng TH Long Sơn		Cầu 7: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤ 13.8m; Cầu 08: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤13.7m; Cầu 09: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải., Cầu 10: L166m; DWT= 20.000							
01:00	Minh Tú 29	6,5	79,96	484,4	Nil	TH LS	Cầu 8	P0	Nil
13:00	Vũ Đình 135	6,8	102,80	6.996,80	LS 135	TH LS	Cầu 8	P/s	Nil
5. Bến cảng TH Quang Trung		Cầu 11: LTK= 250m; LSD= 205m; DWT= 5.000. T=5.5m							
17:20	Nguyễn Dương 268	5,1	94,70	3600	Hải Châu 06	TH QTr	Cầu 11	P/s	Nil
18:40	Khánh Minh 68	3,71	77,70	2.500	Nil	TH QTr	Cầu 11	P0	Nil
10:40	Hùng Khánh 89	3.1	76,21	2928	Nil	TH QTr	Cầu 11	P0	Nil
12:40	Minh Tân 18	4.1	79.75	736786	Nil	TH QTr	Cầu 11	P0	Nil
6. Bến cảng TH Quốc Tế Nghi Sơn		Cầu 01: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 02: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 2A: L=147m; DWT=20.000; Cầu 03: L= 300m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L=300m; DWT=70.000 giảm tải; Cầu 05:LTK=250m; LSD=140m; DWT= 15.000.							
23:00	THÀNH ĐẠT 528	4,0	79,0	4.375	Nil	TH QT	CẦU 2A	Khu neo	Nil

05:40	THÀNH ĐẠT 528	4,0	79,0	4.375	Nil	TH QT	Khu neo	CẦU 2A	Nil
11:20	YONG SHENG VII	4,0	98,2	5.321	VAS 3006	TH QT	Cầu số 05	P/s	KPB
7. Bến cảng Nhiệt điện NS1		Cầu cảng nhập than: L=130m; DWT=5.000; Cầu cảng nhập HFO: L=124m; DWT=3.000							
11:40	Tuấn Minh 36	6,7	79,14	4.065	Nil	CD NĐ1	NĐ1	P0	Nil
8. Bến cảng Nhiệt điện NS2		L= 226m; DWT= 18.000; mặt sàn công nghệ L= 22m							
	N/A	5,6	145,00	180.000	HVS48. TV2	CD NĐ2	NĐ2	Khu CT	Hai Van
9. Bến cảng CD XM Nghi Sơn		Cầu 01: L= 187m; DWT =37.000; Cầu 02: L=87; DWT= 5.300							
22:00	Brave	8,0	142,00	15.000	NS01;NS02	CDXM	Cầu 1	P/s	Nil
11:30	Hoài Sơn 56	2,5	79,00	5.000	Nil	CDXM	Cầu 2	P0	Nil
21:00	Confidence	8,0	143,00	15.000	NS01;NS02	CDXM	Cầu 1	P/s	Nil
10. Bến cảng CD XD Anh Phát		Cầu 01: L= 350m; DWT= 5.000; Cầu 02: L= 215m; DWT= 7.000							
	N/A				Nil	CD AP	AP1	P0	Nil
11. Bến cảng Lọc Hóa dầu NS		Cầu 1A: L= 166m; DWT= 15.000; Cầu 01B: L=192m; DWT= 10.000; Cầu 2A, 2B: L=170m; DWT= 12.825; Cầu 4A, 4B: L= 222m; DWT= 50.000 giảm tải.							
20:00	HAI LINH 02	8,1	118,06	11.394,47	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 4A	P/s	BFAST AGENCY
07:00	NHA BE 08	6,3	104,99	6.678,61	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 2B	P/s	VITACO Nghi Sơn

09:00	JADE STAR 15	5,8	91,94	4.997,70	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 2A	P/s	VITACO Nghi Sơn
11:00	HD PETROL	6	104,61	4.813,60	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 4A	P/s	Hưng Thịnh Phát
15:00	PETROLIMEX 14	8	128,60	13.131,20	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 4B	P/s	VITACO Nghi Sơn
23:00	NHA BE 06	7	107,48	6.788,00	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 2B	P/s	VITACO Nghi Sơn
23:59	TUNG LINH 05	5,8	106,55	4.928,00	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 2A	P/s	VITACO Nghi Sơn
B. KHU VỰC LỆ MÔN									
Bến cảng lệ Môn		Chiều dài bến: L=110m; DWT=5000							
						Lệ Môn	Lệ Môn	Nghi Sơn	Nil
Ghi chú Tàu bổ sung, thay đổi kế hoạch									

Thanh Hoá, 17h00' ngày 06 tháng 11 năm 2026

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc (để b/cáo);
- Chi nhánh Hoa tiêu VI;
- Phòng AT&ANHH;
- Các Doanh cảng biển; (để t/hiện)
- Các Doanh nghiệp lai dắt;
- Lưu: QLKCHT.

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Mai Văn Khánh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Duy Hiếu